

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 22 đến 31/8/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 70-150mm, có nơi trên 200mm như: Lạc Sơn (Phú Thọ) 257.2mm, Thái Bình (Hưng Yên) 248.6mm, Nam Định (Ninh Bình) 214.8mm, ...
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái tuần qua giảm trong những ngày đầu, sau biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 46%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang thấp hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 10%. + - Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn TBNN 4%. + Trên sông Hồng: Trong 7 ngày qua, dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm với xu thế xuống. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua thấp hơn TBNN cùng kỳ 5%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 150-250mm, có nơi trên 400mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái dự báo tăng hơn so với thời đoạn trước. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái dự báo thấp hơn TBNN cùng kỳ 24%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ cao hơn với tuần trước, tổng lượng dòng chảy lớn hơn TBNN 12%. + Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế tăng so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 38%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ dao động theo xu thế xuống trong 2 ngày đầu (do hồ Hòa Bình đóng 01 cửa xả đáy lúc 16h/22/8). Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo ở mức cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ 1%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 100-200mm, có nơi trên 250mm như: Bắc Ninh 256.6 mm, Mẫu Sơn (Lạng Sơn) 378.6mm,
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy đang tăng; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy thấp hơn so với tuần trước và thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 35%. + Trên sông Lục Nam: Mực nước trên sông Lục Nam đang lên; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 84%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 300-450mm, có nơi trên 650mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: dòng chảy tại trạm Gia Bảy có khả năng tăng; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy cao hơn so với TBNN cùng kỳ 185%. + Trên sông Lục Nam sẽ xuất hiện một đợt lũ, dòng chảy đang tăng nhanh; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 298%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 100-250mm, có nơi trên 350mm như: Vinh (Nghệ An) 491.2mm, Hương Sơn (Hà Tĩnh) 361.1mm, ...
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa giảm so với tuần trước, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh tăng hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 27%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 46%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn khoảng 60%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm cao hơn khoảng 13%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 9%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phía Bắc phổ biến 100-200mm, có nơi trên 250mm; phía Nam phổ biến 10-50mm, cục bộ có nơi trên 50mm.

- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An tăng hơn so với tuần trước, các sông ở Hà Tĩnh giảm hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp TBNN cùng kỳ khoảng 8%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 33%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 14%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 44%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 16%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Tổng lượng mưa: phổ biến từ 5-30mm, cục bộ có nơi trên 30mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn thấp hơn TBNN 9%; sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang ở mức thấp hơn TBNN 16%. + - Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mực nước trên các sông biến đổi chậm, một số sông có xuất hiện dao động. Tổng lượng dòng chảy so với TBNN trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 32%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 60%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 38%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 78%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 66%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phía Bắc phổ biến 10-50mm, có nơi trên 50mm
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn thấp hơn TBNN 11%; sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang ở mức thấp hơn TBNN 28%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới mực nước trên các sông có khả năng xuất hiện dao động nhỏ. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 55% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 32% so với TBNN.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 50-100mm, có nơi trên 100mm như: EaHleo 104.7mm, Trị An (Đồng Nai) 132.5mm, ... Tổng lượng mưa: 50-100mm, có nơi trên 100mm như: EaHleo 104.7mm, Trị An (Đồng Nai) 132.5mm, ...
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy đến các sông đều biến đổi theo xu thế tăng dần và ở mức cao hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 80%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 60%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long đang tăng dần.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 80-150mm, có nơi trên 150mm. Tổng lượng mưa: phổ biến 80-150mm, có nơi trên 150mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và sông Krông Ana biến đổi ở mức tương đương và tăng so với tuần vừa qua; Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 77%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 43%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục tăng nhanh; trên sông Tiền tại trạm Tân Châu có khả năng cao hơn TBNN 49%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc có khả năng cao hơn TBNN 14%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/09/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 22 đến ngày 31/08/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo											
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Ngày 8	Ngày 9	Ngày 10	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	34.8	<55	6.3	8.3	9.3	14.8	35.5	60.7	8.3	8	10.7	26.8	188.7	>132
	Sơn La	56.4	<11	15.8	11.9	4.9	40.8	27.9	12.2	5.2	11.1	20.3	33.9	184	>136
	Hòa Bình	168.5	>95	52.1	18.1	17.7	23.6	2.8	6.6	3.8	2	43.1	72	241.8	>127
	Lào Cai	109.5	>44	2	5.5	7.3	6.8	22.1	67.1	3.8	7.6	5.1	30.4	157.7	>32
	Yên Bái	118.3	>28	14.7	2.8	19	16.9	14	17.8	2.7	5	29.8	36.7	159.4	>48
	Tuyên Quang	51.7	<24	22.8	4.2	22.9	21.4	14.4	35.8	4.3	11	32.8	32.7	202.3	>155
	Hà Giang	51.9	<41	8.1	16	11.3	15.2	84.9	55.5	3.8	14.9	11.3	24.1	245.1	>90
	Láng	121.8	>58	58	24	25.4	16.6	15.4	25.7	6.7	3.7	41.8	52.6	269.9	>128
	Thái Bình	248.6	>310	80.2	72.7	17.6	33.9	16.5	6.9	7.9	4.6	58	30.8	329.1	>211
	Nam Định	214.8	>215	65.3	49.8	8	27.9	9.8	9	6.5	1.3	58.3	42.1	278	>144
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Kạn	87.1	>48	16.9	6.5	20.2	11.5	32.4	61.9	3.8	8.9	27.8	30.2	220.1	>176
	Thái Nguyên	94.3	>1	46	12.8	16.7	16.6	55.9	38.7	7.2	11.2	43.6	41	289.7	>238
	Bắc Ninh	256.6	>232	85.5	43.4	17.6	22.5	52.2	22.1	23.8	8.6	78.7	23.8	378.2	>244
	Lạng Sơn	264.5	>341	81.2	25.3	10.3	21	38.9	7.3	4.5	6.2	79.2	14.9	288.8	>314

	Bắc Giang	188.7	>191	106	36.2	14.9	20.5	78.3	20.9	49.2	14.7	79.9	30.2	450.8	>328
	Hải Dương	128.8	>113	102.5	38.9	12.7	26.5	39.6	14.8	23.7	11.9	85.9	26	382.5	>229
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	129.4	>38	38.8	10.9	9.4	18.6	11	11.2	3.5	2	36.3	50.9	192.6	>66
	Bái Thượng	159	>60	47.8	23.4	9.9	27.1	2.5	1.7	12.5	1.4	23.2	54.7	204.2	>78
	Thanh Hóa	237.1	>211	51	17.4	9	20.6	1.8	1.9	4.1	0.5	15.6	39.7	161.6	>56
	Quỳ Châu	203.3	>137	8.9	5.5	7.7	1.9	2.6	0.1	0.1	1.1	9.5	19.7	57.1	<44
	Tương Dương	161.9	>151	4	0.8	3.5	1.1	4.8	0.9	0.8	0.1	4.1	24.8	44.9	<50
	Đô Lương	189.5	>239	0.1	2.8	7.6	0.4	0.6	1.6	0.1	0.7	0.9	4.2	19	<84
	Vinh	491.2	>639	0.5	8.8	7.2	0.2	0	0	0	0.1	3.2	4.1	24.1	<78
	Hương Sơn	361.1	>369	2.6	9.9	5.1	0.8	0.8	0.2	0	0.6	4.2	5.7	29.9	<53
	Hương Khê	253.2	>342	0	2.2	2.1	3.1	0.8	0	0.8	1.4	0.4	1.7	12.5	<87
	Hà Tĩnh	333.3	>600	0.7	8.8	7.5	0.1	1.9	1	0.7	0.8	11.2	0.3	33	<66
	Đồng Hới	80.5	>124	0.2	0	0.2	0.9	0.1	0.1	0.1	0	1.1	0.1	2.8	<96
	Quảng Trị	4.4	<86	0.3	0.5	5.9	0.8	0.1	0.2	0.1	0	0	0	7.9	<89
	Nam Đông	3.4	<93	0.1	0	0	0.5	0.5	1.8	1.6	0.4	0.2	0	5.1	<94

	Huế	1.9	<94	0	0	0.1	0.2	2.9	1.3	1	0.2	0	0	5.7	<92
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	3.5	<91	0.2	0	0.8	1.5	0.9	1	1	0.6	0.6	0	6.6	<90
	Trà My	17	<67	0	0	0.4	0.4	0.7	0.6	1.2	0.8	0.1	0.1	4.3	<96
	Ba Tơ	10.1	<77	0.1	0	0	0.2	1.2	0.1	1.6	0.8	0	0.1	4.1	<94
	Quảng Ngãi	19	<51	0.7	0	0.4	0.8	0.6	2	1.1	3.4	0	0.1	9.1	<83
	Quy Nhơn	0.4	<97	0	0	0	0.1	0	0.3	0	0	0.3	0	0.7	<98
	An Khê	20.1	<30	0.2	1.2	1.2	0.8	0.7	0.5	0.7	1	0.9	0.6	7.8	<85
	Tuy Hòa	4.6	<61	0.3	0.1	0.6	0.2	4.1	1.3	0.4	0	0.1	0.2	7.3	<73
	Nha Trang	34.3	>233	0	0.5	1.2	0.1	1	1.3	1.3	3.2	3.2	0.4	12.2	<42
Lưu vực sông Mê Kông	Kon Tum	60.8	<15	5.3	10.7	19.4	14.3	8.6	3.9	13	12.9	10.1	4.6	102.8	<16
	Lắk	71.4	<19	3.5	7.9	18.5	7.1	6.9	10	15.8	25.6	12.3	6.2	113.8	>37
	Buôn Mê Thuột	61.8	>10	2.6	3.9	16.3	4.2	3.2	7	16.6	15.4	5.2	4.6	79	<23
	Biên Hòa	27.2	<61	2	19.1	21.6	16.9	10.3	12.5	11.9	25.1	5.2	5.6	130.2	>28
	Cần Thơ	47.1	>20	0.8	16.7	16.4	9.5	9.3	11.2	12.7	13.2	4.3	2.8	96.9	>64

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 22 đến ngày 31/8

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 15/08 đến 21/08	So sánh TBNN (%)	Dự báo											
				22/08	23/08	24/08	25/08	26/08	27/08	28/08	29/08	30/08	31/08	Tổng	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	461	<47	66.1	69.9	62.5	69.9	77.8	81.8	85.9	89.9	102.8	111.5	818	<24
Lô	Tuyên Quang	317	<10	43.2	44.9	44.9	49.3	51.8	77.8	112.3	108	91	82	705	>12
Đà	Hồ Hòa Bình	2352	>4	190	277	302	320	277	259	216	190	173	216	2419	>38
Hồng	Hà Nội	2267	<5	383	333	292	282	272	282	292	301	311	322	3067	>1
Cầu	Gia Bảy	74.68	<34	19.7	43.5	35.9	19.7	10.5	43.5	56	35.9	19.7	13.9	298.3	>185
Lục Nam	Chũ	17.53	<84	131	51.5	21.1	8.5	8.5	14.3	43.6	28.4	8.5	13	328	>298
Mã	Cầm Thủy	462	< 27	82.6	80.2	78.6	77.1	75.5	74.7	73.1	73.1	81	90.4	786	< 8

Cả	Yên Thượng	288	< 46	57.2	55.5	54.4	53.3	52.3	51.7	50.6	50.6	56.1	62.6	544.3	< 33
La	Hòa Duyệt	74.4	> 60	7.98	7.76	7.6	7.45	7.3	7.2	7.07	7.07	7.83	8.74	76.03	< 14
Tả Trách	Thượng Nhật	5.1	> 9	0.7	0.8	0.8	0.8	0.8	0.9	1	0.9	0.8	0.8	8.3	> 16
Thu Bồn	Nông Sơn	49.5	< 9	6.9	7.1	7.3	8	8.1	8.0	7.8	8	8.3	8.5	78	< 11
Trà Khúc	Sơn Giang	35.5	< 16	4.3	4.8	5.4	5	5.2	5.4	4.8	4.5	4.9	5.2	49.5	< 28
Ba	Củng Sơn	46.69	<60	8.47	7.34	6.91	6.91	7.34	7.6	8.64	0	0	0	53.21	<55
Cái N,T	Đồng Trăng	10.52	<38	1.73	1.56	1.56	1.64	1.73	2.0	1.9	0	0	0	12.11	<32
ĐăkBlá	KonTum	13.77	< 80	2.64	2.7	2.63	2.66	2.57	2.3	2.44	2.59	1.94	2	24.5	< 77
Srêpôk	Giang Sơn	22.75	< 60	4.63	4.49	4.36	4.15	4.15	4.0	3.85	3.89	4.06	4.2	41.8	< 43
Tiền	Tân Châu			1633	1663	1694	1712	1730	1748.0	1754	1760	1760	1778	17233	>49
Hậu	Châu Đốc			275	281	293	302	314	322.0	336	349	362	366	3200	>14